

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST

Ngày 25-8-2025.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quảng Văn Tại và bà Bạc Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 94/2025/TLST-HN&GD ngày 13 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Tòng Thị V**; sinh năm 1994; địa chỉ: Bản H, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là bản H, xã C, tỉnh Điện Biên) - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Lò Văn Q**, sinh năm 1994; địa chỉ: Bản H, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là bản H, xã C, tỉnh Điện Biên) - Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/6/2025 và bản tự khai nguyên đơn chị Tòng Thị V trình bày:

Về hôn nhân: Chị Tòng Thị V và anh Lò Văn Q chung sống như vợ chồng từ năm 2012, đến ngày 26/6/2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Điện Biên), kết hôn tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn anh chị sống chung cùng bố mẹ chồng tại bản H, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm

sống, không có tiếng nói chung, cuộc sống thường xuyên xảy ra cãi nhau, anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Từ khi sống ly thân anh chị không còn quan tâm đến nhau và cũng không liên lạc, chia sẻ gì. Nay cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Tòng Thị V đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lò Văn Q.

Về con chung: Chị Tòng Thị V và anh Lò Văn Q có 02 người con chung; cháu Lò Thị Kim C, sinh ngày 06/5/2014 và cháu Lò Duy K, sinh ngày 02/01/2017, hiện tại chị Tòng Thị V đang trực tiếp nuôi dưỡng các con. Khi ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Lò Thị Kim C, sinh ngày 06/5/2014 và cháu Lò Duy K, sinh ngày 02/01/2017 cho chị Tòng Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị Tòng Thị V đang làm thuê cho Công ty D giấy ở tỉnh Hải Dương, có thu nhập ổn định hằng tháng từ 15.000.000đ đến 17.000.000đ/tháng, thu nhập đảm bảo nuôi các con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; nợ chung: Chị Tòng Thị V và anh Lò Văn Q không có.

Ngày 13/6/2025 thụ lý vụ án; đến ngày 20/6/2025 Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của đương sự, về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi con của các bên đương sự, cho thấy: Sau khi kết hôn chị Tòng Thị V và anh Lò Văn Q sinh sống cùng bố mẹ chồng tại bản H, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là bản H, xã C, tỉnh Điện Biên); sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Anh chị có 02 người con chung, hiện tại do chị Tòng Thị V trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lò Văn Q đi làm thuê không có mặt tại địa phương và không báo với chính quyền địa phương biết địa chỉ nơi ở, nơi làm việc mình; địa phương không nắm rõ anh Lò Văn Q làm gì và cụ thể ở đâu; không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Lò Văn Q. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết các văn bản tố tụng anh Lò Văn Q vẫn không có mặt nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện. Ngày 10/7/2025, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự nhưng anh Lò Văn Q vắng mặt không có lý do. Tòa án đã lập biên bản về sự vắng mặt không có lý do của anh Lò Văn Q và tiến hành niêm yết thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật. Ngày 10/7/2025, chị Tòng Thị V đã có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 07/8/2025, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Điện Biên mở phiên tòa xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/7/2025 và đã tổng đạt trực tiếp cho anh Lò Văn Q theo quy định của pháp luật, anh Lò Văn Q vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa theo luật định.

Tại phiên tòa ngày 25/8/2025, chị Tòng Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn khởi kiện và bản tự khai. Anh Lò Văn Q vắng mặt lần 2 không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thấy rằng. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án, đảm bảo việc giải quyết vụ án kịp thời, đúng pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Điện Biên không có yêu cầu, kiến nghị gì. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội về Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị nguyên đơn. Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và địa chỉ của các đương sự, Tòa án xác định đây là vụ án: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con sau khi ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội về Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các biện pháp xác minh sự vắng mặt của bị đơn nơi cư trú, tình trạng hôn nhân, tổng đạt và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh Lò Văn Q, nhưng anh Lò Văn Q vẫn không có mặt tại Tòa án để thực hiện các quyền

và nghĩa vụ của đương sự theo Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, anh Lò Văn Q đã tự từ bỏ các quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình. Ngày 10/7/2025 chị Tòng Thị V có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Tòng Thị V, được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Lò Văn Q được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt chị Tòng Thị V và anh Lò Văn Q tại phiên tòa.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Về kết hôn: Chị Tòng Thị V và anh Lò Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 26/6/2014 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là xã C, tỉnh Điện Biên). Căn cứ Trích lục nhận kết hôn ngày 13/7/2018 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là xã C, tỉnh Điện Biên) cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Tòng Thị V và anh Lò Văn Q là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Chị Tòng Thị V khai nguyên nhân mâu thuẫn gia đình do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn và anh chị đã sống ly thân.

Về tình trạng hôn nhân: Lời khai của chị Tòng Thị V về tình trạng hôn nhân là có căn cứ phù hợp với các biên bản xác minh tình trạng hôn nhân, thực tế anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 và trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm tới ai. Hội đồng xét xử nhận định chị Tòng Thị V và anh Lò Văn Q không còn tình cảm vợ chồng; không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tòng Thị V.

[4] Về con chung: Tại Biên bản xác minh ngày 20/6/2025 đối đương sự thể hiện, chị Tòng Thị V đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lò Thị Kim C, sinh ngày 06/5/2014 và cháu Lò Duy K, sinh ngày 02/01/2017. Xét thấy, yêu cầu nuôi con sau ly hôn của chị Tòng Thị V phù hợp với nguyện vọng của các con đã đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Căn cứ theo quy định tại Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị Tòng Thị V có thu nhập hàng tháng từ 15.000.000đ đến 17.000.000đ/tháng, đảm bảo nuôi các con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tòng Thị V và anh Lò Văn Q không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Phát biểu của kiểm sát viên: Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí: Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ vào Điều 9, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội về Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 9, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tòng Thị V đối với bị đơn anh Lò Văn Q.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Tòng Thị V được ly hôn anh Lò Văn Q.

- Về con chung: Giao cháu Lò Thị Kim C, sinh ngày 06/5/2014 và cháu Lò Duy K, sinh ngày 02/01/2017 cho chị Tòng Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị Tòng Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Tòng Thị V có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; anh Lò Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị Tòng Thị V và anh Lò Văn Q có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn; khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc ngày niêm yết bản án sơ thẩm tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND khu vực 3 - Điện Biên;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- UBND xã C, tỉnh Điện Biên
(Cơ quan thực hiện ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Việt Hương